

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 87/2008/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định tại tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2008; ý kiến của các Bộ, ngành liên quan về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Huy động cao nhất các nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp và tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong GDP.
- Phát triển tỉnh Nam Định tương xứng với vị trí, vai trò đối với Tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng, đóng góp ngày càng nhiều vào tăng trưởng chung của Vùng.
- Gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, giảm chênh lệch về mức sống giữa các khu vực; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.
- Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý và bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững, tạo cảnh quan cho phát triển du lịch.
- Phát triển kinh tế kết hợp với đảm bảo an ninh - quốc phòng, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đưa kinh tế tỉnh Nam Định có bước phát triển nhanh, bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; có mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội từng bước hiện đại, hệ thống đô thị

tương đối phát triển; các lĩnh vực văn hoá - xã hội phát triển tiên tiến, đời sống nhân dân ngày được nâng cao; từng bước đưa Nam Định trở thành một trong những tỉnh có trình độ phát triển ở mức trung bình khá của vùng đồng bằng sông Hồng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đến năm 2010 đạt khoảng 12%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 là 13%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 là 12,5%/năm;
- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đến năm 2010 tỷ trọng các ngành nông - lâm - ngư nghiệp còn khoảng 25%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 39% và dịch vụ chiếm khoảng 36%; đến năm 2015 các tỷ lệ tương ứng là 19%; 44% và 37%; đến năm 2020, tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp giảm xuống còn khoảng 8%; công nghiệp - xây dựng đạt khoảng 54% và dịch vụ ở mức khoảng 38%;
- Giá trị xuất khẩu đến năm 2010 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 18%/năm;
- Tăng thu ngân sách, đảm bảo phần lớn các nhiệm vụ chi của Tỉnh và từng bước phấn đấu cân bằng thu - chi. Phấn đấu tốc độ thu ngân sách trên địa bàn tăng trên 17%/năm giai đoạn đến năm 2010, trên 16%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và trên 15%/năm giai đoạn 2016 - 2020;
- GDP bình quân đầu người đạt khoảng 12,5 triệu đồng vào năm 2010; 26 triệu đồng vào năm 2015 và 50 triệu đồng năm 2020 (giá thực tế).

b) Về xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số bình quân 0,95%/năm giai đoạn năm 2010, 0,92%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và khoảng 0,9%/năm giai đoạn 2016 - 2020.
- Phấn đấu đến năm 2010, toàn Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học.
- Đến năm 2010, hạ tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn khoảng 15%, đến năm 2010 khoảng 10%; đến năm 2010, bình quân 10.000 dân có 16 giường bệnh, 6,5 bác sĩ và đến năm 2020, bình quân 10.000 dân có 20 - 22 giường và 8 bác sĩ.
- Phấn đấu đến năm 2010 có trên 50% lao động qua đào tạo và mỗi năm giải quyết được 35 - 40 nghìn lao động có việc làm mới, đến năm 2020 có trên 75% lao động qua đào tạo và giải quyết được 45-50 nghìn lao động có việc làm mới. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở đô thị xuống 4% vào năm 2010 và ổn định ở mức 3 - 4% giai đoạn đến năm 2020;
- Nâng cao tỷ lệ đô thị hóa, phấn đấu đưa tỷ lệ đô thị hóa đạt 22,8% vào năm 2010 và 45% vào năm 2020. Đồng thời, đến năm 2010 có 100% dân số đô thị và khoảng 80% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, đến năm 2020 có 100% dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh;
- Chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động từ khu vực có năng suất lao động thấp sang khu vực có năng suất lao động cao, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động còn khoảng 65% vào năm 2010 và khoảng 35% vào năm 2020. Nâng thời gian lao động ở khu vực nông thôn đến năm 2010 lên trên 85% và năm 2020 lên trên 90%;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 6% vào năm 2010 (theo tiêu chí mới năm 2005).

c) Về bảo vệ môi trường:

- Phấn đấu đến năm 2010 đạt 100% số cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ đạt tiêu chuẩn về môi trường, đảm bảo xử lý chất thải và 50% số cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường, đến năm 2020 về cơ bản các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Đến năm 2010 trên 80% chất thải rắn được thu gom, xử lý được trên 60% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế, 40% các khu đô thị mới và 70% các khu công nghiệp, có hệ thống xử lý nước thải tập trung; đến năm 2020 trên 95% chất thải rắn được thu gom, xử lý được trên 90% chất thải nguy hại, 100% các khu đô thị, khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Phát triển ngành nông, lâm, thủy sản

Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá theo hướng sạch, bền vững, có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh cao. Được hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, phù hợp với hệ sinh thái và điều kiện tự nhiên của địa phương.

Tập trung đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp; chuyển diện tích đất lúa kém hiệu quả sang sản xuất rau, màu và nuôi trồng thủy sản; phát triển chăn nuôi trở thành một trong những ngành sản xuất chính trong nông nghiệp; đẩy mạnh khai thác, nuôi trồng thủy sản để có đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế. Cụ thể:

a) Đối với trồng trọt:

- Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ theo hướng đa dạng hoá cây trồng, đa thời vụ, mở rộng nhanh diện tích những cây có hiệu quả kinh tế cao;

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất lúa đặc sản ở các huyện phía Nam, mở rộng sản xuất lúa chất lượng cao ở các huyện phía Bắc; ổn định diện tích 2 vụ lúa khoảng 70 - 75 nghìn ha, năng suất 13 - 14 tấn/ha/năm, sản lượng khoảng 900 - 950 nghìn tấn;

- Mở rộng diện tích vụ Đông lên 20 - 25 nghìn ha vào năm 2010 và 30 - 40 nghìn ha vào năm 2020 theo hướng sản xuất hàng hoá, đa dạng cây trồng, đa thời vụ, tập trung vào những cây có giá trị kinh tế cao như khoai tây xuất khẩu, rau bí, dưa chuột, cà chua...

- Cải tạo vườn tạp thành vườn cây có giá trị thu nhập cao, hình thành các trang trại cây ăn quả vừa và nhỏ ở những vùng đất cao. Phát triển cây cảnh, các loại cây hoa và cây hương liệu tại thành phố Nam Định, Nam Trực, Hải Hậu... để phục vụ cho thành thị, phục vụ cho công nghiệp và có thể xuất khẩu.

b) Đối với chăn nuôi:

Chuyển chăn nuôi tận dụng quy mô nhỏ, phân tán sang chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá áp dụng phương pháp công nghiệp. Mở rộng mô hình trang trại chăn nuôi vừa và nhỏ. Tăng cường công tác thú y, phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia cầm, gia súc.

c) Đối với thủy sản:

- Tập trung khai thác tốt tiềm năng về tài nguyên nước, tài nguyên biển, đất đai, lao động để phát triển ngành thủy sản. Cùng với nuôi trồng thủy sản, tăng cường năng lực đánh bắt, khai thác hải sản; phát triển hậu cần dịch vụ chế biến, xuất khẩu thủy sản;

- Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá; hình thành các vùng nuôi thủy sản có quy mô lớn để tạo nguyên liệu công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Thực hiện tốt xã hội hoá trong các lĩnh vực nuôi trồng, chế biến thủy sản. Mở rộng quy mô các cơ sở sản xuất giống thủy sản, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất giống;

- Tiếp tục đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản ở vùng nước mặn, lợ; tăng cường chuyển diện tích làm muối kém hiệu quả, diện tích trồng lúa ở các vùng đất úng, trũng năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản. Trong đó, tập trung đầu tư cao vào một số loài hải sản có hiệu quả kinh tế cao như: tôm sú, cua, ngao, cá bống bóp, tôm càng xanh và cá rô phi đơn tính thương phẩm. Dự kiến diện tích nuôi trồng thủy sản tăng lên 17.000 ha vào năm 2010 và khoảng 18.400 ha vào năm 2020;

- Tiếp tục nâng cao năng lực khai thác hải sản, trước hết là công tác tổ chức sản xuất, quản lý và sử dụng có hiệu quả đội tàu khai thác hải sản xa bờ. Phát triển nghề cá cả về số lượng và công suất đi đôi với việc đổi mới, hoàn thiện công nghệ đánh bắt. Đầu tư xây dựng một số khu neo đậu trú bão ở các cửa: Quận Vinh và Giao Thủy.

Dự kiến giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 5,1%/năm giai đoạn đến năm 2010, tăng 4,1%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 2,9%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Phần đầu giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng của ngành thủy sản trong cơ cấu sản xuất.

2. Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

- Khai thác tốt tiềm năng, lợi thế để phát triển công nghiệp với nhịp độ cao; nâng cao chất lượng công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư, xây dựng môi trường đầu tư hấp dẫn nhằm thu hút được nhiều dự án (nhất là những dự án công nghệ cao, có quy mô lớn) tạo bước đột phá trong phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh.

- Tập trung đầu tư phát triển một số ngành, sản phẩm chủ lực của địa phương có đủ sức cạnh tranh trên thị trường và có hiệu quả kinh tế - xã hội cao như: đóng tàu, cơ khí chế tạo, ô tô, xe máy, điện tử - tin học...

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mà sản phẩm của nó có thị trường tương đối ổn định và hiệu quả cao; các ngành công nghiệp có thể mạnh về nguồn nguyên liệu (công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm), lao động (dệt may, da giày...).

- Phát triển mạnh ngành công nghiệp cơ khí, điện tử và gia công kim loại trở thành ngành công nghiệp trọng điểm, đóng góp chủ yếu cho ngân sách của Tỉnh, với các sản phẩm mũi nhọn như: đóng mới, sửa chữa tàu, thuyền, sản xuất lắp ráp ô tô các loại, sản xuất hàng cơ khí xuất khẩu, cơ khí tiêu dùng, cơ khí phục vụ nông nghiệp, cơ khí xây dựng.

- Đầu tư mạnh vào các doanh nghiệp đóng tàu, các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô để có đủ năng lực đóng những loại tàu vận tải sông biển tải trọng lớn đến 15.000 DWT, các loại ô tô khách, ô tô bán tải dưới 5 tấn với chất lượng và tỷ lệ nội địa cao, làm vai trò "đầu kéo" cho các cơ sở cơ khí vừa và nhỏ phát triển theo với vị trí là cơ sở sản xuất, cung cấp sản phẩm phụ trợ.

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng Nhà máy đóng tàu Thịnh Long để đóng mới tàu biển với công suất thiết kế tải trọng 6.500 - 15.000 DWT.

- Xây dựng mới, mở rộng các nhà máy đóng tàu tại các huyện: Xuân Trường, Trực Ninh và thành phố Nam Định.

- Công nghiệp dệt may phát triển theo hướng sản xuất hàng xuất khẩu và tăng giá trị gia tăng trong sản phẩm. Tập trung sản xuất những sản phẩm có tính chất đặc thù, lợi thế về lao động, sản phẩm may cao cấp, có hàm lượng công nghệ và chất xám cao để tạo thương hiệu riêng sản phẩm của địa phương. Tăng tỷ lệ nội địa hóa về nguyên phụ liệu của hàng dệt may. Phát triển công nghiệp dệt may tại các huyện, vùng nông thôn để giải quyết việc làm cho người lao động.

- Phát triển mạnh công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống gắn với phát triển nguồn nguyên liệu theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng đến chế biến các sản phẩm xuất khẩu. Liên doanh liên kết với các cơ sở lớn và nước ngoài để phát triển thị trường, đổi mới công nghệ, tăng quy mô sản xuất.

- Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tương xứng với tiềm năng sẵn có về tài nguyên, lao động, góp phần giải quyết việc làm, cải thiện đời sống của nhân dân.

- Phát triển ngành hóa chất của Tỉnh với tốc độ nhanh, đi thẳng vào công nghệ tiên tiến, hiện đại (đặc biệt là ngành dược phẩm) nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, đủ sức cạnh tranh. Ưu tiên phát triển sản xuất dược liệu, thuốc chữa bệnh, đưa ngành sản xuất dược liệu Nam Định đóng vai trò trung tâm công nghiệp dược liệu của vùng Nam đồng bằng sông Hồng.

- củng cố, phát triển các nghề và làng nghề truyền thống, mở rộng dần quy mô sản xuất sang khu vực lân cận. Tập trung các nguồn lực đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ sản xuất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và nước ngoài. Chú trọng xây dựng cơ sở sản xuất tập trung, kết hợp với phân tán ở các hộ gia đình. Tăng nhanh số lượng, chất lượng các doanh nghiệp nhỏ và vừa, làm chỗ dựa và hạt nhân cho phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương. Từng bước giải quyết tốt vấn đề môi trường, đời sống nhân dân tại các làng nghề. Tăng hỗ trợ từ ngân sách để xây dựng kết cấu hạ tầng, giúp các làng nghề phát triển.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư để lấp đầy 2 khu công nghiệp: Hòa Xá và Mỹ Trung; tiếp tục triển khai các khu công nghiệp đã được phê duyệt như: Bảo Minh, Thành An, Hồng Tiến, Trung Thành, Nghĩa An.

- Hình thành thêm một số khu công nghiệp tàu thủy: Nam Định, Xuân Kiên, Thịnh Long, Mỹ Lộc, Nghĩa Bình.

Nghiên cứu có thể xây dựng thêm một số khu công nghiệp nằm dọc theo tuyến đường mới ven biển từ Thanh Hoá - Ninh Bình - Nam Định đến Quảng Ninh để phân bố lại công nghiệp trên địa bàn Tỉnh, nhưng hạn chế lấy đất trồng lúa 2 vụ làm khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, dịch vụ.

- Xây dựng các cụm công nghiệp quy mô nhỏ để giải quyết lao động tại chỗ, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Phấn đấu để nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2006 - 2010 đạt 25%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 tăng 17%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 tăng 15%/năm.

3. Phát triển dịch vụ

- Hoàn chỉnh hệ thống thương mại trên địa bàn Tỉnh, kết hợp giữa phát triển thương mại tại khu vực đô thị với phát triển thị trường nông thôn, phát triển các chợ đầu mối để thu mua sản phẩm của người nông dân, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại tại thành phố Nam Định và các trung tâm huyện lỵ, thị trấn... quy hoạch và nâng cấp hệ thống chợ nông thôn. Chú trọng công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng các khu giết mổ tập trung tại thành phố Nam Định và tại các chợ có khu giết mổ riêng.